TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2022
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thái Sơn

Bà Vũ Ngọc Lan

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1957; địa chỉ thường trú: 297/3B HG, Phường E, Quận F, TP. Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 297/12 HG, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ thường trú: 297/3B HG, Phường E, Quận F, TP. Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 297/12 HG, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2022 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng T trình bày:

Bà T và ông Phạm Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 03/10/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101 của Uỷ ban nhân dân Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu sau khi kết hôn cả hai sống cũng hạnh phúc, tuy nhiên càng về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, cụ thể Bà T có công ty kinh doanh riêng nhưng tiền hàng hóa thu được Bà T đưa cho ông C giữ, đến cuối năm thì ông C lại không thanh toán tiền hàng nên khiến cho việc kinh doanh bị đình trệ, gặp khó khăn, sau đó vợ chồng gây gổ rất nhiều. Ngoài ra, do khi kết hôn thì

trước đó Bà T và ông C đều có con riêng nên cả hai đều muốn lo cho con của mình tốt dẫn đến vợ chồng cũng nhiều lần cãi vả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2012 thì vợ chồng đã ly thân, mạnh ai nấy sống, cuộc sống tình cảm vợ chồng cũng không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên toà, có bản tự khai trình bày: Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong công việc làm ăn và tiền bạc, tình cảm gia đình rạn nứt không hàn gắn được và đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Về con chung và tài sản chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Hồng T có đơn xin vắng mặt và không có đơn rút yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Văn C.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 101, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 03/10/2007 do UBND Phường 5, Quận 6 cấp thì bà Nguyễn Hồng T và ông Phạm Văn C có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông C đang thực tế cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay Bà T có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án triệu tập hợp lệ, bà Nguyễn Hồng T và ông Phạm Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...", "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.." khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Cả bà Nguyễn Hồng T và ông Phạm Văn C đều nhìn nhận vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn về tiền bạc, về công việc làm ăn và đã ly thân từ năm 2012. Cho thấy mối quan hệ giữa Bà T và ông C không còn gắn bó, yêu thương nhau, từ nhiều năm nay đôi bên đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; phía Bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà T là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải nộp án phí DSST theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồng T đối với ông Phạm Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 101 quyển số 01/2007, đăng ký ngày 03/10/2007 do UBND Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Hồng T không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng T phải nộp án phí dân sư sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Bà T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0012046 ngày 18/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND P5, Quận 6, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu